

BIỂU SỐ 01 - KẾT QUẢ THU SỬ DỤNG ĐẤT 02 NĂM 2021-2022 VÀ DỰ KIẾN 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 5 năm 2021-2025 (Nghị quyết số 59/NQ-HĐND)			Đã thực hiện 2 năm 2021-2022				Dự kiến khả năng thu sử dụng đất 5 năm 2021-2025								
		Tổng số	Bao gồm		Tổng số	Bao gồm		So với kế hoạch 5 năm 2021-2025 (%)	Tổng số	Bao gồm		Trong đó, giai đoạn 2023-2025		Tăng, giảm (-) so với kế hoạch đã giao			
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện, xã		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện, xã			Tổng số	Bao gồm		Trong đó		Tổng số	Trong đó	
											Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện, xã				Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện, xã
A	B	1=2+3	2	3	4	5	6	7=4/1	8	9	10	11	12	13	14=15+16	15=9-2	16=10-3
	Tổng số	30,000.0	12,478.7	17,521.3	10,059.5	1,693.1	8,366.4	33.5	35,092.4	17,133.5	17,958.9	25,032.9	15,440.4	9,592.5	5,092.4	4,654.8	437.7
1	Thành phố Hải Dương	1,230.1	343.5	886.6	1,142.5	95.1	1,047.5	92.9	6,160.5	2,560.7	3,599.9	5,018.0	2,465.6	2,552.4	4,930.4	2,217.2	2,713.3
2	Thành phố Chí Linh	1,619.4	347.7	1,271.7	1,484.7	168.6	1,316.1	91.7	3,854.6	1,671.1	2,183.5	2,369.9	1,502.5	867.4	2,235.2	1,323.4	911.8
3	Thị xã Kinh Môn	3,171.9	1,241.9	1,930.1	432.1	48.0	384.1	13.6	3,172.0	2,039.1	1,132.9	2,739.9	1,991.1	748.8	0.1	797.3	-797.2
4	Huyện Kim Thành	2,259.1	984.7	1,274.4	629.2	152.1	477.1	27.9	2,709.1	1,534.5	1,174.6	2,079.9	1,382.4	697.5	450.0	549.8	-99.8
5	Huyện Nam Sách	4,802.8	2,532.0	2,270.7	1,476.1	455.5	1,020.6	30.7	2,420.3	928.3	1,492.0	944.2	472.8	471.4	-2,382.4	-1,603.7	-778.7
6	Huyện Thanh Hà	2,574.7	1,250.6	1,324.1	539.6	73.3	466.3	21.0	2,998.3	1,650.9	1,347.4	2,458.7	1,577.6	881.1	423.7	400.3	23.4
7	Huyện Tứ Kỳ	2,252.7	953.6	1,299.0	402.6	55.4	347.3	17.9	1,347.3	670.6	676.7	944.6	615.2	329.5	-905.4	-283.1	-622.3
8	Huyện Gia Lộc	1,662.3	634.8	1,027.5	565.2	77.1	488.1	34.0	1,812.2	901.0	911.2	1,247.0	823.9	423.1	149.9	266.2	-116.3
9	Huyện Ninh Giang	1,973.4	729.8	1,243.6	715.7	104.5	611.3	36.3	2,845.6	1,289.6	1,556.0	2,129.9	1,185.2	944.7	872.2	559.8	312.4
10	Huyện Thanh Miện	756.0	208.7	547.4	794.7	124.3	670.5	105.1	2,146.4	1,000.7	1,145.7	1,351.7	876.4	475.3	1,390.4	792.0	598.4
11	Huyện Bình Giang	2,200.6	712.8	1,487.8	1,526.8	272.5	1,254.3	69.4	3,823.5	1,954.3	1,869.1	2,296.7	1,681.8	614.8	1,622.8	1,241.5	381.3
12	Huyện Cẩm Giàng	5,496.9	2,538.5	2,958.3	350.2	66.8	283.4	6.4	1,802.5	932.7	869.8	1,452.3	865.9	586.4	-3,694.4	-1,605.9	-2,088.5

BIỂU SỐ 02 - DỰ KIẾN CHI TIẾT THU SỬ DỤNG ĐẤT 5 NĂM 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN CẤP HUYỆN
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
TỔNG SỐ				1,764.0	536.4		43,220,261	10,059,142	33,161,119	35,092,067	25,032,924
I	Thành phố Hải Dương			401.3	108.1		7,664,546	1,142,546	6,522,000	6,160,546	5,018,000
I.1	Điều tiết về 3 cấp ngân sách			37.4	9.9		3,274,546	1,142,546	2,132,000	3,274,546	2,132,000
1	Đầu thu 2 năm 2021, 2022						1,142,546	1,142,546		1,142,546	
2	Đầu giá đất khu tái định cư phường Ngọc Châu	Phường Ngọc Châu	Đã thực hiện xong hạ tầng	0.8	0.8	25.0	190,000		190,000	190,000	190,000
3	Khu dân cư phía Nam đường Việt Hòa, phường Việt Hòa, TP Hải Dương	Phường Việt Hòa	Đã thực hiện xong hạ tầng	4.9	1.2	25.0	290,000		290,000	290,000	290,000
4	Khu dân cư phía Đông đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương	P. Việt Hoà	Đã thực hiện xong hạ tầng	8.3	2.3	20.0	458,000		458,000	458,000	458,000
5	Khu dân cư Liễu Tráng, phường Tân Hưng, thành phố Hải Dương	Xã Tân Hưng	Đã thực hiện xong hạ tầng	2.7	0.6	20.0	120,000		120,000	120,000	120,000
6	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phía Tây Tứ Minh (giai đoạn 1)	P. Tứ Minh	Đang thi công hạ tầng	6.7	1.7	20.0	335,000		335,000	335,000	335,000
7	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư Lễ Quán, phường Thạch Khôi, thành phố Hải Dương – Phân khu A	P. Thạch Khôi	Đang thi công hạ tầng	3.2	0.8	20.0	160,000		160,000	160,000	160,000
8	HTKT khu tái định cư đường gom QL 5, thành phố Hải Dương	Phường Tứ Minh	Đang thực hiện GPMB	4.7	1.2	25.0	294,000		294,000	294,000	294,000
9	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Tứ Thông, phường Tứ Minh	P. Tứ Minh	Đã phê duyệt dự án	6.1	1.4	20.0	285,000		285,000	285,000	285,000

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1.2	Điều tiết về 2 cấp ngân sách (tỉnh và huyện)			363.9	98.2		4,270,000		4,270,000	2,766,000	2,766,000
a	Đấu giá chuyển quyền sử dụng đất			237.7	61.0		3,400,000		3,400,000	1,500,000	1,500,000
1	Khu đô thị trung tâm thành phố	P. Nguyễn Trãi	Đang thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư	12.0	2.2		1,000,000		1,000,000		
2	Khu trung tâm phường Phạm Ngũ Lão	P. Phạm Ngũ Lão	Đang thực hiện triển khai dự án	19.8	2.8		1,000,000		1,000,000	1,000,000	1,000,000
3	Khu vực phía Đông đại lộ Võ Nguyên Giáp	P. Thạch Khôi, X. Liên Hồng	Đang thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư	195.1	52.7		500,000		500,000		
4	Khu vực kho vận xăng dầu K132, đường Nguyễn Lương Bằng, thành phố Hải Dương	Phường Tứ Minh	Đang thực hiện GPMB	6.9	2.1		400,000		400,000		
5	Khu khách sạn và nhà chung cư hỗn hợp thuộc Khu hành chính tập trung tỉnh Hải Dương	phường Trần Phú	Đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư	2.0	0.4		300,000		300,000	300,000	300,000
6	Khu nhà ở hỗn hợp cao tầng Ngô Quyền, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương	Phường Thanh Bình	Đang lập đề xuất chủ trương đầu tư	1.9	0.8		200,000		200,000	200,000	200,000
b	Đấu thầu dự án			126.2	37.2		870,000		870,000	1,266,000	1,266,000
1	Khu dân cư Trái Bầu, phường Lê Thanh Nghị	P. Lê Thanh Nghị	Đang thực hiện GPMB và tính giá	7.3	2.2		77,000		77,000	150,000	150,000
2	Khu dân cư mới xã Ngọc Sơn	Xã Ngọc Sơn	Đang thực hiện GPMB	9.9	2.4		95,000		95,000	180,000	180,000
3	Khu dân cư, dịch vụ thương mại Thanh Bình (tại vị trí làng nghề mộc Đức Minh)	P. Thanh Bình	Đang thực hiện GPMB	1.9	0.6		80,000		80,000	100,000	100,000
4	Khu đô thị Tân Phú Hưng (mở rộng)	P. Thạch Khôi	Đang thực hiện GPMB	33.7	10.1		202,000		202,000	530,000	530,000

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Khu đô thị mới Thạch Khôi	P. Thạch Khôi	Đang thực hiện GPMB	30.1	9.0		181,000		181,000	181,000	181,000
6	Khu dân cư đô thị phía Nam cầu Hàn	P. Việt Hoà	Đang thực hiện GPMB	12.6	3.8		75,000		75,000	75,000	75,000
7	Khu đô thị Xuân Dương, phường Tứ Minh	P. Tứ Minh	Đang thực hiện GPMB	30.7	9.2		160,000		160,000	50,000	50,000
I.3	Thu tiền sử dụng đất dôi dư						120,000		120,000	120,000	120,000
II	Thành phố Chí Linh			243.6	76.8		6,008,725	1,484,309	4,524,415	3,854,227	2,369,917
II.1	Điều tiết về 3 cấp ngân sách			46.3	12.5		2,403,937	1,325,408	1,078,528	2,248,939	923,530
1	Đã thu 2 năm 2021, 2022						1,284,848	1,284,848		1,284,848	
2	Đồng giở đầu lại	Đồng Lạc	Đã xong hạ tầng; CMD trước năm 2021	0.3	0.1	18.7	19,642	10,432	9,210	19,642	9,210
3	KDC Nam Đông - Nam Đoài (đầu lại)	Cổ Thành		0.1	0.0	11.1	2,316	440	1,876	2,316	1,876
4	KDC Đồng Triều (đầu lại)	Đồng Lạc		0.1	0.0	15.2	4,000	475	3,524	4,000	3,524
5	KDC Trung Tâm - Chí Minh (lần 2)	Chí Minh		0.2	0.0	13.0	5,954	1,191	4,763	5,954	4,763
6	KDC Cầu Ruồi Gđ 2 - Hoàng Tiến	Hoàng Tiến		0.0	0.0	10.4	1,149	225	924	1,149	924
7	KDC Văn đức (các điểm còn lại)	Văn Đức					2,600	500	2,100	2,600	2,100
8	KDC Áp Phích giai đoạn 2	Hoàng Tân	Đã xong hạ tầng	1.5	0.4	9.0	40,255	16,457	23,797	40,255	23,797
9	Khu TĐC Đồng Đồ gđ2	Thái Học	Đã xong hạ tầng	0.6	0.2	11.0	20,030	10,840	9,190	20,030	9,190
10	KDC mới khu trung tâm phường Bến Tắm (vị trí trụ sở cũ)	Bến Tắm	Đã xong hạ tầng	1.6	0.5	12.0	57,480		57,480	57,480	57,480
11	Đồng giở đầu lại	Đồng Lạc		1.5	0.4	17.0	75,373		75,373	75,373	75,373
12	KDC Nam Đông - Nam Đoài (đầu lại)	Cổ Thành		0.6	0.2	9.0	17,460		17,460	17,460	17,460
13	KDC Trại cá Ninh Giàng- Cổ Thành	Cổ Thành			0.1	7.0	4,529		4,529	4,529	4,529
14	KDC Ninh Chập 5	Thái Học			0.0	13.0	1,372		1,372	1,372	1,372

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó			
								Đã thu nộp NSNN 2 năm 2021, 2022	Giai đoạn 2023-2025	Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
15	KDC Trung Tâm - Chí Minh (đầu lại)	Chí Minh		0.1	0.0	15.0	5,186		5,186	5,186	5,186
16	KDC Cầu Ruồi Gđ 2 - Hoàng Tiên	Hoàng Tiên		0.4	0.1	9.0	10,271		10,271	10,271	10,271
17	KDC Vườn Mai	Chí Minh	Đã GPMB	1.7	1.0	9.0	93,600		93,600	93,600	93,600
18	Khu Tái định cư đường sắt lim, KDC Cao Đường- Phả Lại (đầu lại)	Phả Lại		0.6	0.2	9.5	15,865		15,865	15,865	15,865
19	KDC Văn Đức(Vinh đại, điểm dân cư số 3 và điểm dân cư số 1 Đông Xá)	Văn Đức			1.1	6.5	72,372		72,372	72,372	72,372
20	Điểm dân cư số 1, Vinh Đại 1; KDC Con Nhạn 2, Vinh Đại 1; KDC mới Vinh Đại	Văn Đức		0.8	0.2	10.0	24,260		24,260	24,260	24,260
21	KDC Áp Phích giai đoạn 2	Hoàng Tân		1.2	0.3	8.0	27,680		27,680	27,680	27,680
22	Khu TĐC Đồng Đỗ gđ2	Thái Học		6.1	1.8	8.5	154,853		154,853	154,853	154,853
23	Khu dân cư mới Bến Tắm (trụ sở UBND mới)	Bến Tắm	Đang thi công hạ tầng; đang CMD 77 lô	9.6	0.8	13.0	106,600		106,600	106,600	106,600
24	Trung tâm thể thao phường Chí Minh, thành phố Chí Linh	Phường Chí Minh	Đang thực hiện phương án thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất	0.6	0.2	12.0	22,476		22,476	22,476	22,476
25	Cửa làng An Bài (An Lạc) Đã có QĐ chuyển mục đích, tuy nhiên một số hộ dân có đơn nên chưa đầu giá	An Lạc	Đã xong hạ tầng; CMD trước năm 2021	0.8	0.3	6.0	15,000		15,000	15,000	15,000
26	Mở rộng KDC Đồng Triều 1 giai đoạn 2 (vướng GPMB các hộ ngã tư giang)	Đồng Lạc	Đã xong hạ tầng; CMD trước năm 2021	1.0	0.3	8.5	25,500		25,500	25,500	25,500
27	Khu dân cư trung Tâm phường An Lạc	An Lạc	Chưa làm hạ tầng	4.3	0.5	7.0	31,890		31,890	31,890	31,890
28	Khu trung tâm phường Chí Minh	Chí Minh	Đã GPMB	1.8	0.7	10.0	67,200		67,200	67,200	67,200
29	Điểm dân cư Công Cua và Điểm dân cư Mộ Đạo	An Lạc	Đã có quy hoạch chi tiết 1/500	1.9	0.3	6.0	16,200		16,200		

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
30	Điểm dân cư mới khu Ninh Cháp 5 (giai đoạn 2)	Thái Học	Đã có quy hoạch chi tiết 1/500	1.1	0.3	8.0	17,192		17,192		
31	Khu tái định cư đường sắt Lim Phả Lại (giai đoạn 2)	Phả Lại	Đã có quy hoạch chi tiết 1/500	4.7	1.1	9.0	100,800		100,800		
32	Khu dân cư mới Thanh Tảo	Lê Lợi	Đã xong hạ tầng	1.8	0.8	5.0	39,180		39,180	39,180	39,180
33	Điểm dân cư Chí Linh 2	Nhân Huệ	Đã có quy hoạch chi tiết 1/500	1.3	0.4	5.0	20,806		20,806		
II.2	Điều tiết về 2 cấp ngân sách (tỉnh và huyện)			197.3	64.3		3,499,640	83,753	3,415,887	1,500,140	1,416,387
a	Đấu giá chuyển quyền sử dụng đất			7.5	2.3		225,000		225,000		
1	Khu dân cư Chi Ngải	Cộng Hòa	Đã phê duyệt quy hoạch chi tiết	7.5	2.3	10.0	225,000		225,000		
b	Đấu thầu dự án			189.8	62.0		3,274,640	83,753	3,190,887	1,500,140	1,416,387
1	Năm 2021						83,753	83,753		83,753	
2	Khu dân cư thương mại và chợ Cộng Hòa	Cộng Hòa	Đã xong hạ tầng; đang trình phê duyệt phương án nộp tiền đất	8.6	2.6		389,603		389,603	389,603	389,603
3	Khu đô thị Hoàng Tiến	Hoàng Tiến	Đang lập quy hoạch chi tiết	37.5	10.8	10.0	650,000		650,000		
4	Khu dân cư mới Khang Thọ	Chí Minh	Đã phê duyệt quy hoạch chi tiết	5.3	1.6	8.0	128,784		128,784	128,784	128,784
5	Khu dân cư ven đường tránh trung tâm thành phố Chí Linh	Phường Thái Học và phường Chí Minh	Đã có quy hoạch chi tiết 1/500	52.5	13.8	10.0	880,000		880,000		
6	Khu đô thị Đại Sơn, thành phố Chí Linh	Cộng Hòa	Đã chuyển mục đích sử dụng đất 5,35 ha trước năm 2021		5.4	3.0	160,500		160,500	50,000	50,000
7	Khu đô thị phía Đông đường Yết Kiêu	Phường Thái Học thành phố Chí Linh	Đã lựa chọn xong nhà đầu tư (Việt Tiên Sơn); đã chuyển mục đích sử dụng đất trước 2021 là 9,2 ha	19.5	9.2	2.0	184,000		184,000	50,000	50,000

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	Khu dân cư phía Đông đường Trần Hưng Đạo	Phường Sao Đỏ	Đã lựa chọn xong nhà đầu tư (Việt Tiên Sơn)	8.9	2.6	3.0	78,000		78,000	78,000	78,000
9	Khu đô thị sinh thái Chí Minh, phường Chí Minh (giai đoạn 1)	Chí Minh	Đang GPMB	57.4	16.1	10.0	720,000		720,000	720,000	720,000
II.3	Thu tiền sử dụng đất dôi dư						105,148	75,148	30,000	105,148	30,000
III	Thị xã Kinh Môn			165.7	53.2		3,351,560	432,076	2,919,484	3,172,000	2,739,924
III.1	Điều tiết về 3 cấp ngân sách			10.7	4.3		874,119	432,076	442,043	874,119	442,043
1	Đã thu 2 năm 2021, 2022						432,076	432,076		432,076	
2	Điểm số 13 Khu Vườn Cát, phường Hiệp An	Hiệp An	Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất	0.3	0.2	12.0	22,800		22,800	22,800	22,800
3	Điểm dân cư An Phụ	An Phụ	Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất	0.1	0.1	12.0	10,188		10,188	10,188	10,188
4	Dự án xây dựng khu dân cư Cửa Làng, phường Hiến Thành (GĐ3)	Phường Hiến Thành	Đang lập dự án	1.6	0.5	12.0	56,880		56,880	56,880	56,880
5	Điểm dân cư mới thôn Xạ Sơn	Quang Thành	Đang GPMB	1.5	0.5	12.0	54,000		54,000	54,000	54,000
6	Khu dân cư mới Trung Hòa, xã Thăng Long	Xã Thăng Long	Đang GPMB	3.0	0.9	12.0	106,560		106,560	106,560	106,560
7	Điểm dân cư mới khu Lưu Hạ	An Lưu	Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất	0.2	0.1	12.0	16,873		16,873	16,873	16,873
8	Điểm dân cư Đìa Đình - khu dân cư Nhất Sơn, phường Thái Thịnh	Thái Thịnh	Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất	0.2	0.1	12.0	16,988		16,988	16,988	16,988
9	Đấu giá lại điểm dân cư mới La Xá, xã Thượng Quận (12 lô đất)	Thượng Quận	Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất	0.2	0.2	11.0	21,027		21,027	21,027	21,027

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó			
								Đã thu nộp NSNN 2 năm 2021, 2022	Giai đoạn 2023-2025	Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	Đấu giá lại Khu dân cư phường Hiệp Sơn, do thị xã làm Chủ đầu tư (15 lô đất)	Hiệp Sơn 1	Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất	0.2	0.2	6.0	9,496		9,496	9,496	9,496
11	Đấu giá lại Khu dân cư phường Hiệp Sơn, do phường làm Chủ đầu tư (08 lô đất)	Hiệp Sơn 2	Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất	0.1	0.1	5.0	4,594		4,594	4,594	4,594
12	Đấu giá lại Điểm dân cư Cầu Gỗ, xã Hoành Sơn (15 lô đất)	Hoành Sơn	Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất	0.2	0.2	5.0	11,774		11,774	11,774	11,774
13	Đấu giá lại điểm dân cư Bạch Đằng (04 lô đất)	Bạch Đằng	Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất	0.1	0.1	10.0	5,740		5,740	5,740	5,740
14	Đấu giá lại điểm dân cư Minh Tân (05 lô đất)	Minh Tân 1	Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất	0.1	0.1	6.0	3,975		3,975	3,975	3,975
15	Điểm dân cư Hào Thung, phường Minh Tân	Minh Tân 2	Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các điều kiện để đấu giá quyền sử dụng đất	0.5	0.1	10.0	13,700		13,700	13,700	13,700
16	Các điểm dân cư phường Tân Dân (17 lô đất)	Tân Dân	Đang tổ chức lập dự án	0.8	0.2	4.5	11,113		11,113	11,113	11,113
17	Điểm dân cư số 02 thôn Kim Xuyên 3 phường An Sinh (11 lô đất)	An Sinh 1	Đang tổ chức lập dự án	0.6	0.3	10.0	30,230		30,230	30,230	30,230
18	Điểm dân cư số 08-2, Kim Xuyên 3 phường An Sinh (4 lô đất)	An Sinh 2	Đang tổ chức lập dự án	0.6	0.3	10.0	28,870		28,870	28,870	28,870
19	Điểm dân cư số 06 thôn Văn Ô phường An Sinh (07 lô đất)	An Sinh 3	Đang tổ chức lập dự án	0.6	0.2	10.0	17,236		17,236	17,236	17,236
III.2	Điều tiết về 2 cấp ngân sách (tỉnh và huyện)			154.9	48.8		2,447,441		2,447,441	2,267,881	2,267,881

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
a	Đấu giá chuyển quyền sử dụng đất										
b	Đấu thầu dự án			154.9	48.8		2,447,441		2,447,441	2,267,881	2,267,881
1	Khu dân cư Bắc Phú Thứ (gđ1)	phường Phú Thứ	Đã làm xong hạ tầng	37.9	12.6	2.9	367,674		367,674	367,674	367,674
2	Khu dân cư mới Phúc Thành	xã Quang Thành	Đã làm xong hạ tầng	12.5	3.8	2.6	98,800		98,800	98,800	98,800
3	Khu dân cư mới An Phụ	phường An Phụ	Đã làm xong hạ tầng	9.1	3.6	5.0	179,500		179,500	179,500	179,500
4	Khu dân cư Thành Công GD2	phường Hiệp An	Đang GPMB	74.8	22.4	6.3	1,415,207		1,415,207	1,279,667	1,279,667
5	Khu Đô thị Quang Thành	xã Quang Thành	Đang lựa chọn nhà đầu tư	10.0	3.0	6.0	179,640		179,640	179,640	179,640
6	Khu dân cư mới Thất Hùng	phường Thất Hùng	Đang lựa chọn nhà đầu tư	8.1	2.7	6.0	162,600		162,600	162,600	162,600
7	Khu dân cư mới Tây Sơn, phường Hiệp An	phường Hiệp An	Đã phê duyệt quy hoạch chi tiết (QĐ số 30/QĐ-UBND ngày 10/2/2023)	2.6	0.7	6.2	44,020		44,020		
III.3	Thu tiền sử dụng đất dôi dư						30,000		30,000	30,000	30,000
IV	Huyện Kim Thành			142.7	39.4		3,740,930	629,180	3,111,750	2,709,126	2,079,946
IV.1	Điều tiết về 3 cấp ngân sách			48.2	12.3		1,493,868	629,180	864,688	1,332,987	703,807
1	Đã thu 2 năm 2021, 2022						563,303	563,303		563,303	
2	Điểm dân cư mới thôn Thượng Đỗ I	Thượng Vũ	Đang giải phóng mặt bằng	0.4	0.1	14.7	19,404		19,404	19,404	19,404
3	Điểm dân cư thôn Phí Gia giai đoạn 2	Đồng Cẩm	Đang giải phóng mặt bằng	1.4	0.4	12.7	53,340		53,340	53,340	53,340
4	Khu dân cư Cống mới thôn Cống Khê	Xã Kim Liên	Đã xong hạ tầng và đang hoàn thiện hồ sơ trình giá	3.8	1.1	11.1	126,540	65,877	60,663	126,540	60,663

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Khu dân cư mới thôn Văn Thọ, Kiến Đức	Đại đức	Đã có chủ trương đầu tư, đã lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, đang kiểm kê GPMB	1.6	0.5	5.9	28,526		28,526	28,526	28,526
6	Khu dân cư Kiến Lễ	Đại đức	Đã có chủ trương đầu tư, đã lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, đang kiểm kê GPMB	1.8	0.5	6.4	34,000		34,000	34,000	34,000
7	Khu dân cư mới số 1 thôn Tường Vu	Cộng Hòa	Đã có chủ trương đầu tư, đã lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, đang kiểm kê GPMB	1.4	0.4	6.3	25,515		25,515	25,515	25,515
8	Khu dân cư mới số 2 thôn Tường Vu	Cộng Hòa	Đã có chủ trương đầu tư, đã lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, đang kiểm kê GPMB	3.2	1.0	6.0	57,600		57,600	57,600	57,600
9	Điểm dân cư thôn Phát Minh, Phú Nội và Phong Nội	Xã Bình Dân	Đã có chủ trương đầu tư, đã lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, đang kiểm kê GPMB	3.1	0.9	7.7	70,455		70,455	70,455	70,455
10	Điểm dân cư mới thôn Văn Minh	Xã Kim Anh	Đã có chủ trương đầu tư, đã lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, đang kiểm kê GPMB	0.5	0.1	7.0	9,660		9,660	9,660	9,660
11	Điểm dân cư mới thôn Tân Thành	Kim anh	Đã có chủ trương đầu tư, đã lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, đang kiểm kê GPMB	0.8	0.3	8.5	23,562		23,562	23,562	23,562
12	Khu dân cư ven đường tránh cầu An Thành, xã Kim Anh	Kim anh	Đã có chủ trương đầu tư, đã lập báo cáo kinh tế kỹ thuật giai đoạn 2+3+4	5.1	1.6	8.8	143,616		143,616	143,616	143,616
13	Điểm dân cư mới Đồng Thầy Cổ Dưng	Cổ Dưng	Đã có quy hoạch chi tiết	1.7	0.5	8.3	42,081		42,081		
14	Điểm dân cư thôn Phương Duệ - Kim Xuyên	Xã Kim Xuyên	Đã có quy hoạch chi tiết; đã có chủ trương đầu tư	0.8	0.5	6.8	34,000		34,000	34,000	34,000
15	Điểm dân cư mới thôn Quỳnh Khê 1	Xã Kim Xuyên	Đã có quy hoạch chi tiết; đã có chủ trương đầu tư	2.7	0.8	6.7	53,466		53,466	53,466	53,466
16	Khu dân cư vang phan	Tuần Việt	Đang lập quy hoạch chi tiết	6.6	2.0	6.0	118,800		118,800		

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
17	Khu dân cư mới xã Cổ Dũng giáp với khu công nghiệp Kim Thành 1	Xã Cổ Dũng	Đã có chủ trương đầu tư, đang thực hiện thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật	13.5	1.5	6.0	90,000		90,000	90,000	90,000
IV.2	Điều tiết về 2 cấp ngân sách (tỉnh và huyện)			94.5	27.1		2,247,062		2,247,062	1,376,139	1,376,139
a	Đấu giá chuyển quyền sử dụng đất										
b	Đấu thầu dự án			94.5	27.1		2,247,062		2,247,062	1,376,139	1,376,139
1	Dự án đầu tư xây dựng Điểm dân cư mới ven sông An Thành, thôn Dường Thái Nam, xã Phúc Thành	Xã Phúc Thành	Đã thực hiện GPMB đạt 92,17%	2.5	0.8	8.0	62,496		62,496	62,496	62,496
2	Khu dân cư phía Tây - giai đoạn 2, ven đường tránh cầu An Thành, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Thị trấn Phú Thái, Kim Anh	Đã có Quyết định chủ trương đầu tư (số 3950/QĐ-UBND, 30/12/2021)	8.3	2.5	9.0	225,180		225,180		
3	Khu dân cư phía Đông - giai đoạn 2, ven đường tránh cầu An Thành, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Thị trấn Phú Thái, Kim Anh	Đã có Quyết định chủ trương đầu tư (số 3953/QĐ-UBND, 30/12/2021)	8.4	2.5	9.0	225,990		225,990		
4	Điểm dân cư mới thôn hợp nhất xã Lai Vu	Lai Vu	Đang giải phóng mặt bằng	2.6	0.9	7.0	63,455		63,455	63,455	63,455
5	Khu dân cư mới Dường Thái Nam, xã Phúc thành, huyện Kim Thành	Phúc Thành	Đã có Quyết định chủ trương đầu tư (số 3955/QĐ-UBND, 30/12/2021)	3.1	0.9	9.0	79,839		79,839		
6	Điểm dân cư mới thôn Nại Đông, xã Tam Kỳ, huyện Kim Thành	Tam Kỳ	Đã có Quyết định chủ trương đầu tư (số 3949/QĐ-UBND, 30/12/2021)	10.8	2.8	7.6	214,514		214,514		
7	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm tiểu thủ công nghiệp - làng nghề Cổ Dũng, huyện Kim Thành	xã Cổ Dũng	Đã có quyết định giá đất (Số 464/QĐ-UBND ngày 22/3/2023)	12.7	2.8	7.6	198,913		198,913	198,913	198,913

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	Khu dân cư mới xã Cổ Dũng - Xã Cộng Hòa, huyện Kim Thành	xã Cổ Dũng	Đã có quyết định giá đất (Số 461/QĐ-UBND ngày 22/3/2023)	9.7	2.7	9.8	335,485		335,485	335,485	335,485
9	Đầu tư xây dựng điểm dân cư mới xã Kim Anh, huyện Kim Thành	Kim Anh	Đã thi công xây dựng xong hạ tầng và UBND huyện đã có phương án giá đất cụ thể báo cáo, trình UBND tỉnh	2.9	1.1	9.3	103,230		103,230	103,230	103,230
10	Đầu tư xây dựng khu dân cư phía Tây ven đường tránh cầu An Thành, xã Kim Anh	Kim Anh, Thị trấn Phú Thái	Đã thực hiện GPMB đạt 97,92% và giao đất (đợt 1) cho nhà đầu tư	10.6	3.2	7.0	223,300		223,300	223,300	223,300
11	Đầu tư xây dựng khu dân cư phía Đông ven đường tránh cầu An Thành, xã Kim Anh	Xã Kim Anh	Đã thực hiện GPMB đạt 90,6%	10.7	3.2	7.0	225,400		225,400	100,000	100,000
12	Đầu tư xây dựng Điểm dân cư mới thôn Phù Tài xã Kim Đính	Xã Kim Đính	Đã thi công xây dựng xong hạ tầng, UBND huyện đang thu thập thông tin để xác định phương án giá đất	3.9	1.2	7.7	90,860		90,860	90,860	90,860
13	Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Bình Dân, huyện Kim Thành	xã Bình Dân	Đã thi công xây dựng xong hạ tầng, UBND huyện đang thu thập thông tin để xác định phương án giá đất	8.3	2.5	8.0	198,400		198,400	198,400	198,400
V	Huyện Nam Sách			57.4	19.7		2,633,307	1,476,107	1,157,200	2,420,308	944,200
V.1	Điều tiết về 3 cấp ngân sách			40.4	14.6		1,912,450	1,027,450	885,000	1,699,451	672,000
1	Đã thu 2 năm 2021, 2022						559,633	559,633		559,633	
2	Điểm dân cư số 1 thôn An Lương, xã An Lâm	Xã An Lâm	Đã đủ điều kiện tổ chức đấu giá	0.1	0.0	11.1	2,987	210	2,777	2,987	2,777
3	Điểm dân cư mới thôn Bạch Đa, Xã An Lâm, huyện Nam Sách (lần 4)	Xã An Lâm	Đã đủ điều kiện tổ chức đấu giá	0.8	0.0	28.0	7,560		7,560	7,560	7,560

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Điểm dân cư phía Bắc huyện lộ 5B thôn Hoàng Giáp và thôn Cẩm Lý, xã An Lâm	Xã An Lâm	Đã đủ điều kiện tổ chức đấu giá	1.7	0.5	14.6	125,915	86,511	39,404	125,915	39,404
5	Điểm dân cư mới phía Bắc thôn Mạn Đê, xã Nam Trung	Xã Nam Trung	Đã tổ chức đấu giá và thu tiền sử dụng đất	1.0	0.3	21.6	64,895	50,564	14,331	64,895	14,331
6	Điểm dân cư mới thôn Quảng Tân, xã Nam Tân	Xã Nam Tân	Đã đủ điều kiện tổ chức đấu giá	0.7	0.2	12.3	26,011	24,054	1,957	26,011	1,957
7	Điểm dân cư mới thôn Linh Xá xã Nam Hưng	Xã Nam Hưng	Đã đủ điều kiện tổ chức đấu giá	2.2	0.7	12.0	98,404	55,197	43,207	98,404	43,207
8	Điểm dân cư mới số 1 thôn Lý Văn (giai đoạn 2)	Xã Phú Điền	Đã đủ điều kiện tổ chức đấu giá	1.7	0.4	11.0	47,300		47,300	47,300	47,300
9	Khu dân cư xen kẽ phía đông đường WB đi Nam Tân thông Lê Hà, xã Thanh Quang	Xã Thanh Quang	Có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023; Đã có QĐ phê duyệt QH chi tiết	0.4	0.2	7.0	14,000		14,000	14,000	14,000
10	Điểm dân cư phía đông QL 37 thôn Tông Phố	Xã Thanh Quang	Đang tổ chức GPMB và đầu tư hạ tầng	3.9	1.3	8.0	92,000		92,000	92,000	92,000
11	Khu dân cư mới Chợ Hóp thôn Thượng Đáp xã Nam Hồng	Xã Nam Hồng	Đang tổ chức GPMB và đầu tư hạ tầng	2.1	0.8	8.0	67,000		67,000	67,000	67,000
12	Điểm dân cư cạnh sân thể thao thôn Mạn Đê, xã Nam Trung	Xã Nam Trung	Đang tổ chức GPMB và đầu tư hạ tầng	1.2	0.7	6.0	35,000		35,000	35,000	35,000
13	Điểm dân cư thôn Ưông Thượng 2, xã Minh Tân	Xã Minh Tân	Đã đủ điều kiện tổ chức đấu giá	1.8	0.6	8.0	44,580	6,580	38,000	44,580	38,000
14	Điểm dân cư Cát Khê và điểm dân cư Kim Độ Làng, xã Hiệp Cát	Xã Hiệp Cát	Đang tổ chức GPMB và đầu tư hạ tầng	1.4	0.8	6.0	40,474		40,474	40,474	40,474
15	Khu dân cư mới Vườn Bông, xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến	Đã đủ điều kiện tổ chức đấu giá	1.2	0.4	8.0	62,462	48,462	14,000	62,462	14,000
16	Điểm dân cư mới phía Nam thôn Đầu, xã Hợp Tiến	Xã Hợp Tiến	Có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023; Đang lập quy hoạch chi tiết	5.0	1.6	7.5	120,000		120,000		
17	Điểm dân cư mới thôn Linh Xá, xã Nam Hưng (giai đoạn 3-4)	Xã Nam Hưng	Đang tổ chức GPMB, đầu tư hạ tầng	2.9	1.3	6.0	58,400		58,400	58,400	58,400

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
18	Điểm dân cư Đột Hạ - Long Động	Xã Nam Tân	Đang tổ chức GPMB, đầu tư hạ tầng	2.0	0.6	6.0	36,000		36,000	36,000	36,000
19	Khu dân cư Đột Trên khu ao bộ đi xã Nam Hưng	Nam Tân	Có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023; Đã có QĐ phê duyệt QH chi tiết	1.5	0.7	6.5	43,000		43,000		
20	Điểm dân cư mới An Đông (Đồng quan dưới), xã An Bình	Xã An Bình	Đã đủ điều kiện tổ chức đấu giá	2.5	1.2	8.5	103,616	47,246	56,370	103,616	56,370
21	Điểm dân cư thôn An Điền, xã Cộng Hòa	Xã Cộng Hòa	Đã đủ điều kiện tổ chức đấu giá	2.0	1.0	15.0	171,215	148,995	22,220	171,215	22,220
22	Điểm dân cư phía Đông thôn Cổ Pháp (khu đồng đá xanh), xã Cộng Hoà	Xã Cộng Hòa	Đang tổ chức GPMB và đầu tư hạ tầng	2.0	0.6	7.0	42,000		42,000	42,000	42,000
23	Điểm dân cư xen kẹt thôn An Điền - Chi Đoàn (giáp trường mầm non), xã Cộng Hoà	Xã Cộng Hòa	Có trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023; Đã có QĐ phê duyệt QH chi tiết	2.3	0.7	7.0	50,000		50,000		
V.2	Điều tiết về 2 cấp ngân sách (tỉnh và huyện)			17.0	5.1		655,004	400,004	255,000	655,004	255,000
a	Đấu giá chuyển quyền sử dụng đất										
b	Đấu thầu dự án			17.0	5.1		655,004	400,004	255,000	655,004	255,000
1	Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách	TT Nam Sách	Hoàn thành thu nộp NSNN				400,004	400,004		400,004	
1	Khu dân cư mới Đồng Khê - Hồng Phong	Xã Hồng Phong	Đang hoàn thiện thủ tục trình tỉnh phê duyệt giá thu tiền sử dụng đất	8.9	2.7	5.0	133,000		133,000	133,000	133,000
2	Khu dân cư Thượng Dương - Nam Trung	Xã Nam Trung	Có Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư; đang GPMB, đầu tư hạ tầng	8.1	2.4	5.0	122,000		122,000	122,000	122,000

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó			
								Đã thu nộp NSNN 2 năm 2021, 2022	Giai đoạn 2023-2025	Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
V.3	Thu tiền sử dụng đất dôi dư						65,853	48,653	17,200	65,853	17,200
VI	Huyện Thanh Hà			109.6	33.5		3,481,834	539,586	2,942,248	2,998,334	2,458,748
VI.1	Điều tiết về 3 cấp ngân sách			31.9	8.7		1,380,544	407,096	973,448	1,380,544	973,448
1	Đã thu 2 năm 2021, 2022		Đã đấu giá				407,096	407,096		407,096	
2	KDC mới Chợ Lại	xã Thanh Thủy	Đang đấu giá	0.6	0.3	34.6	89,098		89,098	89,098	89,098
3	Dân cư khu 1 thị trấn Thanh Hà	Thị trấn Thanh Hà	Đang thi công	5.0	1.5	10.0	149,400		149,400	149,400	149,400
4	Khu dân cư mới đường 390, xã Thanh Hải (GD2)	Xã Thanh Hải	Đang thi công	2.3	0.7	10.0	69,000		69,000	69,000	69,000
5	Khu dân cư số 1 xã Phụng Hoàng giai đoạn 2 (khu Tân Thân - Phụng Hoàng)	Xã An Phụng	Đang thi công	0.8	0.2	5.0	12,000		12,000	12,000	12,000
6	Dân cư khu Đồng Bo xã Thanh Xá	Xã Thanh Xá	Đang GPMB	2.8	0.8	20.0	168,000		168,000	168,000	168,000
7	Khu dân cư trung tâm xã Tân Việt (Từ nghĩa trang liệt sỹ đến chợ Côm)	Xã Tân Việt	Đang thi công	4.5	0.4	10.0	40,000		40,000	40,000	40,000
8	Khu dân cư phía Bắc thị trấn Thanh Hà	Xã Cẩm Chế	Đang thi công	13.8	4.1	10.0	413,700		413,700	413,700	413,700
9	Điểm dân cư mới thôn Quan Khê	Xã Việt Hồng	Đang thi công	2.2	0.6	5.0	32,250		32,250	32,250	32,250
VI.2	Điều tiết về 2 cấp ngân sách (tỉnh và huyện)			77.6	24.8		1,968,800		1,968,800	1,485,300	1,485,300
a	Đấu giá chuyển quyền sử dụng đất										
b	Đấu thầu dự án			77.6	24.8		1,968,800		1,968,800	1,485,300	1,485,300

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Khu dân cư mới phía tây thị trấn Thanh Hà (sau phòng khám Y Cao)	Xã Tân An, Xã Thanh Khê	Đang tính giá	9.7	3.1	30 tỷ/ha	291,300		291,300	291,300	291,300
2	Khu dân cư mới thôn Đông Phan, xã Tân An	Xã Tân An	Đang tính giá	9.3	4.2	24tỷ/ha	220,000		220,000	220,000	220,000
3	Khu dân cư Bắc Sông Hương, xã Tân Việt	Xã Tân Việt	Đang tính giá	9.8	3.1	30 tỷ/ha	294,000		294,000	294,000	294,000
4	Xây dựng khu dân cư mới xã Tân Việt	Xã Tân Việt	Đang thi công	9.7	2.9	30 tỷ/ha	289,500		289,500	50,000	50,000
5	Xây dựng khu dân cư mới xã Cẩm Chế (giai đoạn 1)	Xã Cẩm Chế, Xã Việt Hồng,	Đang tính giá	29.4	8.6	20tỷ/ha	580,000		580,000	580,000	580,000
6	Xây dựng khu dân cư mới Tân An và Thanh Khê (Sau Chi cục Thuế)	Xã Tân An, Xã Thanh Khê	Đang thi công	9.8	2.9	30 tỷ/ha	294,000		294,000	50,000	50,000
VI.3	Thu tiền sử dụng đất dôi dư						132,490	132,490		132,490	
VII	Huyện Tứ Kỳ			71.2	21.4		1,948,308	402,647	1,545,661	1,347,292	944,645
VII.1	Điều tiết về 3 cấp ngân sách			45.6	13.6		1,508,706	388,151	1,120,555	726,106	337,955
1	Đã thu 2 năm 2021, 2022						359,091	359,091		359,091	
2	Điểm dân cư mới ven sông Cờ, xã Tân Kỳ	Xã Tân Kỳ	Đã đấu giá 36/89 lô (chuẩn bị hồ sơ thủ tục đấu giá lại); năm 2023 đấu tiếp các lô còn lại	0.6	0.4	12.7	49,060	29,060	20,000	49,060	20,000
3	KDC trung tâm xã Văn Tố	Xã Văn Tố	Hạ tầng cơ bản hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt giá khởi điểm	4.5	1.0	13.0	127,400		127,400	127,400	127,400
4	Khu dân cư thôn Quảng Giang, xã Đại Hợp	Xã Đại Hợp	Hạ tầng cơ bản hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt giá khởi điểm	1.0	0.3	9.0	26,100		26,100	26,100	26,100

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Điểm dân cư mới thôn Ngọc Chấn, xã Tái Sơn	Xã Tái Sơn	GPMB xong; đang trình điều chỉnh báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0.5	0.2	8.5	18,700		18,700	18,700	18,700
6	Điểm dân cư mới thôn Hà Hải, xã Hà Kỳ	Xã Hà Kỳ	Cơ bản xong GPMB (còn 1 hộ dân chưa đồng ý)	0.8	0.3	7.5	24,000		24,000	24,000	24,000
7	Khu dân cư mới thôn Đông Phong	Xã Bình Lãng	Đã có Quy hoạch chi tiết, PD chủ trương, GPMB (đã có 12/41 hộ ký phương án)	2.4	0.7	8.5	61,455		61,455	61,455	61,455
8	KDC mới thôn Thượng Hải, xã Bình Lãng	Xã Bình Lãng	Đã có Quy hoạch chi tiết, PD chủ trương, GPMB (đã có 55/58 hộ ký phương án)	1.8	0.5	8.5	45,900		45,900	45,900	45,900
9	KDC An Lại, xã Dân Chủ (gđ 2)	Xã Dân Chủ	Đã PD quy hoạch chi tiết, đã PD chủ trương và đang thực hiện công tác GPMB	0.6	0.2	8.0	14,400		14,400	14,400	14,400
10	Điểm dân cư mới xã Ngọc Kỳ	Xã Ngọc Kỳ	Có trong kế hoạch nhà ở gđ 2023-2025; đang hoàn thiện quy hoạch chi tiết	1.7	0.5	7.5	38,250		38,250		
11	Khu dân cư thôn Ngọc Lâm, xã Tân Kỳ	Xã Tân Kỳ	Có trong kế hoạch nhà ở gđ 2023-2025; đang hoàn thiện quy hoạch chi tiết	2.4	0.7	8.0	57,600		57,600		
12	KDC thôn Mỗ Đoạn, xã Đại Sơn	Xã Đại Sơn	Có trong kế hoạch nhà ở gđ 2023-2025; đang hoàn thiện quy hoạch chi tiết	2.1	0.6	8.5	50,150		50,150		
13	KDC Chiêu Máy, xã Văn Tố	Xã Văn Tố	Có trong kế hoạch nhà ở gđ 2023-2025; đang hoàn thiện quy hoạch chi tiết	2.1	0.6	9.0	56,700		56,700		
14	KDC Quảng Giang, xã Đại Hợp	Xã Đại Hợp	Có trong kế hoạch nhà ở gđ 2023-2025; đang hoàn thiện quy hoạch chi tiết	3.9	1.2	8.0	93,600		93,600		
15	KDC trung tâm xã Quang Khải	Xã Quang Khải	Có trong kế hoạch nhà ở gđ 2023-2025; đang hoàn thiện quy hoạch chi tiết	4.5	1.4	7.5	101,250		101,250		

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
16	KDC mới thôn Tất Thượng, xã Cộng Lạc	Xã Cộng Lạc	Có trong kế hoạch nhà ở gđ 2023-2025; đang hoàn thiện quy hoạch chi tiết	4.6	1.4	8.0	110,400		110,400		
17	Điểm DC mới thôn Hà Hải, xã Hà Kỳ	Xã Hà Kỳ	Có trong kế hoạch nhà ở gđ 2023-2025; đang hoàn thiện quy hoạch chi tiết	2.6	0.7	7.0	51,100		51,100		
18	KDC mới xã Quảng Nghiệp	Xã Quảng Nghiệp	Có trong kế hoạch nhà ở gđ 2023-2025; đang hoàn thiện quy hoạch chi tiết	3.5	1.1	7.5	78,750		78,750		
19	KDC mới thôn Quàn, xã Minh Đức	Xã Minh Đức	Có trong kế hoạch nhà ở gđ 2023-2025; đang hoàn thiện quy hoạch chi tiết	4.5	1.4	8.0	108,000		108,000		
20	KDC mới thôn Dọc, xã Minh Đức	Xã Minh Đức	Có trong kế hoạch nhà ở gđ 2023-2025; đang hoàn thiện quy hoạch chi tiết	1.5	0.5	8.0	36,800		36,800		
VII.2	Điều tiết về 2 cấp ngân sách (tỉnh và huyện)			25.7	7.9		228,800		228,800	600,000	600,000
a	Đấu giá chuyển quyền sử dụng đất										
b	Đấu thầu dự án			25.7	7.9		228,800		228,800	600,000	600,000
1	KDC Cầu Yên	Thị trấn Tứ Kỳ	Cơ bản GPMB xong, hoàn thiện hạ tầng; đang trình Sở TNMT phê duyệt chuyển mục đích sử dụng đất	4.7	1.5	3.0	44,400		44,400	150,000	150,000
2	Khu dân cư mới thị trấn Tứ Kỳ	Thị trấn Tứ Kỳ	Đang GPMB; còn 7 hộ chưa đồng ý phương án bồi thường	15.1	4.8	3.0	143,700		143,700	450,000	450,000

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	KDC Đồng Khổng, xã Hưng Đạo	Xã Hưng Đạo	Đã phê duyệt quy hoạch chi tiết; đã có văn bản trình chấp thuận hình thức lựa chọn nhà đầu tư	2.6	0.7	2.6	18,200		18,200		
4	KDC thôn Vạn, xã Minh Đức	Xã Minh Đức	Đã phê duyệt quy hoạch chi tiết; đã có văn bản trình chấp thuận hình thức lựa chọn nhà đầu tư	3.2	0.9	2.5	22,500		22,500		
VII.3	Đất chuyên dùng, đất trụ sở, đất thuộc tài sản công do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc nhà nước quản lý						189,616		189,616		
VII.4	Thu tiền sử dụng đất dôi dư						21,186	14,496	6,690	21,186	6,690
VIII	Huyện Gia Lộc			115.0	35.9		3,304,421	565,250	2,739,171	1,812,234	1,246,984
VIII.1	Điều tiết về 3 cấp ngân sách			30.1	9.4		1,400,115	531,074	869,041	965,383	434,309
1	Đã thu 2 năm 2021, 2022						531,074	531,074		531,074	
2	Khu dân cư phía Bắc thị trấn Gia Lộc	Thị trấn Gia Lộc	Đã đấu giá quyền sử dụng đất, nộp NSNN theo quy định. Tuy nhiên còn 17 lô đất (đang tổ chức đấu giá lần 10)		0.2	41.0	64,829		64,829	64,829	64,829
3	Điểm dân cư số 1 xã Quang Minh giai đoạn 2	xã Quang Minh	Đang làm hồ sơ trình giá đợt 3 (do 2 đợt trước tổ chức đấu giá không thành)	3.8	1.1	12.0	137,000		137,000	137,000	137,000
4	Điểm dân cư mới TT Gia Lộc	Thị trấn Gia Lộc	Đấu giá đợt 4: 58 lô đất tổng diện tích 4,684.0m ²		0.5	16.0	64,944		64,944	64,944	64,944
5	Điểm dân cư số 1 thôn An Tân, xã Gia Tân	xã Gia Tân	Đấu giá đợt 2: 05 lô đất với tổng diện tích 498.0m ²		0.0	15.0	7,470		7,470	7,470	7,470

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
6	Khu đất xen kẹp khu dân cư thôn An Cư, xã Đức Xương	xã Đức Xương	Đầu giá đợt 2: 01 lô đất với diện tích 147,2m ²		0.0	12.0	1,766		1,766	1,766	1,766
7	Điểm dân cư thôn Côi Hạ, xã Phạm Trán	xã Phạm Trán	Đầu giá đợt 2: 01 lô đất với diện tích 100,0m ²		0.0	12.0	1,200		1,200	1,200	1,200
8	Điểm dân cư thôn Cao Duệ xã Nhật Tân (giai đoạn 2)	xã Nhật Tân	Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; đang lập dự án và giải phóng mặt bằng	4.7	1.4	9.0	126,900		126,900	126,900	126,900
9	Điểm dân cư thôn Quán Đào xã Tân Tiến (giai đoạn 2)	xã Tân Tiến	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; đang lập dự án và giải phóng mặt bằng	0.5	0.2	10.0	15,000		15,000	15,000	15,000
10	Điểm dân cư giáp sân vận động xã Gia Khánh	xã Gia Khánh	Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư; đang lập dự án và giải phóng mặt bằng	0.6	0.2	8.0	15,200		15,200	15,200	15,200
11	Điểm dân cư thôn Thành Lập, xã Gia Lương	xã Gia Lương	Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của UBND huyện Gia Lộc về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng. Đang xin ý kiến các sở ngành thẩm định Quy hoạch chi tiết	2.3	0.7	8.0	54,432		54,432		

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	Điểm dân cư mới thôn Thọ Xương, xã Đức Xương	xã Đức Xương	Quyết định số 2459/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Gia Lộc về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết; đang xin ý kiến của các sở, ngành thẩm định Quy hoạch chi tiết	2.0	0.6	8.5	51,000		51,000		
13	Điểm dân cư mới thôn Hoàng Xá, xã Hồng Hưng	xã Hồng Hưng	Quyết định số 2365/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện Gia Lộc về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết; đang xin ý kiến các sở, ngành thẩm định Quy hoạch chi tiết	4.7	1.4	7.5	105,800		105,800		
14	Điểm dân cư mới thôn lai Hà, xã Hoàng Diệu	xã Hoàng Diệu	Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của UBND huyện Gia Lộc về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết; đang xin ý kiến các sở, ngành thẩm định Quy hoạch chi tiết	4.4	1.1	7.5	85,500		85,500		
15	Khu dân cư công làng thôn Đuôi, xã Đoàn Thượng	xã Đoàn Thượng	Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Gia Lộc về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết; đang xin ý kiến các sở, ngành thẩm định Quy hoạch chi tiết	3.2	0.9	8.0	72,000		72,000		

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
16	Điểm dân cư thôn Vĩnh Duệ, xã Đồng Quang	xã Đồng Quang	Quyết định số 2755/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND huyện Gia Lộc về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết; đang lập hồ sơ Quy hoạch chi tiết đề nghị các sở, ngành thẩm định	3.8	1.1	6.0	66,000		66,000		
VIII.2	Điều tiết về 2 cấp ngân sách (tỉnh và huyện)			84.0	26.0		1,634,960		1,634,960	812,675	812,675
a	Đấu giá chuyển quyền sử dụng đất										
b	Đấu thầu dự án			84.0	26.0		1,634,960		1,634,960	812,675	812,675
1	Khu dân cư trạm Bóng, xã Quang Minh	Xã Quang Minh	Đang nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo số 912/TB-CTHĐU ngày 18/01/2023	20.0	6.4	7.5	440,675		440,675	440,675	440,675
2	Khu dân cư mới xã Đồng Quang và xã Đức Xương	Xã Đồng Quang - Đức Xương	Đã GPMB xong; đang xác định tính tiền sử dụng đất để tổ chức đấu thầu dự án	19.3	6.2	6.0	372,000		372,000	372,000	372,000
3	Khu dân cư phí nam TP Hải Dương	Xã Gia Tân, TT Gia Lộc	Đang GPMB (còn vướng mắc 08 hộ dân)	26.0	7.8	7.0	540,000		540,000		
4	Khu dân cư mới số 3 xã Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu	Đang GPMB (còn vướng 54 hộ dân)	8.9	2.7	5.0	133,335		133,335		
5	Khu dân cư mới xã Yết Kiêu	xã Yết Kiêu	Đang GPMB (còn vướng mắc hơn 100 hộ dân)	9.9	3.0	5.0	148,950		148,950		

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
VIII.3	Đất chuyên dùng, đất trụ sở, đất thuộc tài sản công do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc nhà nước quản lý			0.9	0.4		235,170		235,170		
1	Cửa hàng số 1 Trạm thú y	Thị trấn Gia Lộc	Đang làm hồ sơ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và lập quy hoạch chi tiết xây dựng.	0.0	0.0	42.5	4,250		4,250		
2	Cửa hàng số 2 Trạm thú y	Thị trấn Gia Lộc		0.0	0.0	42.5	4,250		4,250		
3	Nhà trẻ cũ xã Nhật Tân	xã Nhật Tân	Đã phê duyệt PA xử lý tài sản công theo Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh; UBND huyện đã có tờ trình xin chuyển mục định để bán tài sản trên đất, đấu giá quyền sử dụng đất	0.0	0.0	7.0	2,100		2,100		
4	Nhà Mẫu giáo thôn Đông Hào	xã Quang Minh	Được phê duyệt phương án xử lý tài sản công tại Quyết định số 3604/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh Hải Dương. Đang làm hồ sơ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và lập quy hoạch chi tiết xây dựng.	0.0	0.0	6.0	1,560		1,560		
5	Nhà Mẫu giáo thôn Hậu Bồng	xã Quang Minh		0.0	0.0	6.0	2,160		2,160		
6	Trụ sở UBND xã Trùng Khánh cũ	xã Yết Kiêu		0.4	0.1	7.0	84,000		84,000		
7	Nhà Mẫu giáo thôn Bình Đê	xã Gia Khánh		0.1	0.1	5.0	3,350		3,350		
8	Trụ sở UBND xã Phương Hưng cũ	Thị trấn Gia Lộc		0.3	0.1	15.0	133,500		133,500		
VIII.4	Thu tiền sử dụng đất dôi dư						34,176	34,176		34,176	
IX	Huyện Ninh Giang			72.9	22.5		2,845,616	715,718	2,129,898	2,845,616	2,129,898
IX.1	Điều tiết về 3 cấp ngân sách			48.7	15.2		2,012,636	715,718	1,296,918	2,012,636	1,296,918
1	Đã thu 2 năm 2021, 2022						503,836	503,836		503,836	

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Điểm dân cư mới thôn Đan Bối, xã Tân Hương	Tân Hương	Đang trình phê duyệt giá khởi điểm đầu giá lần 4	0.9	0.3	22.5	62,000	37,955	24,045	62,000	24,045
3	Điểm dân cư mới thôn Kim Chuê, xã An Đức	An Đức	Đang trình phê duyệt giá khởi điểm đầu giá lần 3	3.4	1.0	14.8	149,000	133,223	15,777	149,000	15,777
4	Điểm dân cư mới thôn Đỗ Xá, xã Ứng Hoè	Ứng Hoè	Đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt giá khởi điểm đầu giá lần 2	3.6	1.1	15.8	172,000	31,514	140,486	172,000	140,486
5	Điểm dân cư mới thôn Đông Vạn, xã Ứng Hoè	Ứng Hoè	Đang trình phê duyệt giá khởi điểm đầu giá lần 2	0.8	0.2	8.0	19,200	9,190	10,010	19,200	10,010
6	Điểm dân cư thôn Hào Khê, xã Hưng Long	Hưng Long	Đang trình phê duyệt giá khởi điểm đầu giá	0.9	0.3	8.0	21,600		21,600	21,600	21,600
7	Điểm dân cư số 1, 2 thôn Hội Xá, xã Tân Quang	Tân Quang	Đang hoàn thiện hồ sơ trình giá	3.6	1.1	8.0	86,400		86,400	86,400	86,400
8	Khu cửa ông Kiềm thôn Trịnh Xuyên Nghĩa An	Nghĩa An	NQ số 64/NQ-HĐND ngày 27/02/2023, về việc quyết định chủ trương đầu tư	1.0	0.4	11.0	45,100		45,100	45,100	45,100
9	Điểm dân cư mới xã Vĩnh Hòa (điểm dân cư thôn Vĩnh Xuyên GD 2)	Vĩnh Hoà	NQ số 67/NQ-HĐND ngày 27/02/2023, về việc quyết định chủ trương đầu tư	2.2	0.7	11.0	74,800		74,800	74,800	74,800
10	Điểm dân cư mới thôn An Rặc, xã Hồng Dụ	Hồng Dụ	NQ số 65/NQ-HĐND ngày 27/02/2023, về việc quyết định chủ trương đầu tư	2.4	0.8	8.0	65,600		65,600	65,600	65,600
11	Điểm dân cư mới số 1 thôn Cáp, xã Hồng Dụ	Hồng Dụ	NQ số 66/NQ-HĐND ngày 27/02/2023, về việc quyết định chủ trương đầu tư	0.9	0.3	8.0	23,200		23,200	23,200	23,200
12	Điểm dân cư mới Tuy Hòa Văn Hội	Văn Hội	NQ số 69/NQ-HĐND ngày 27/02/2023, về việc quyết định chủ trương đầu tư	3.2	1.2	8.0	92,800		92,800	92,800	92,800
13	Điểm dân cư thôn Kim Húc 1, xã Hồng Đức	Hồng Đức	NQ số 68/NQ-HĐND ngày 27/02/2023, về việc quyết định chủ trương đầu tư	3.4	1.1	9.0	96,300		96,300	96,300	96,300

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
14	Điểm dân cư thôn Xuân Trì xã Tân Quang	Tân Quang	NQ số 70/NQ-HĐND ngày 27/02/2023, về việc quyết định chủ trương đầu tư	0.5	0.2	8.0	16,000		16,000	16,000	16,000
15	Điểm dân cư Thôn 1 xã Vạn Phúc	Vạn Phúc	Đã phê duyệt QH chi tiết	2.5	0.7	8.0	59,200		59,200	59,200	59,200
16	Điểm dân cư thôn Kim Chuế 2, xã An Đức	An Đức	Đã phê duyệt QH chi tiết	3.1	0.9	7.0	65,100		65,100	65,100	65,100
17	Điểm dân cư Đồng Lạc xã Hồng Đức	Hồng Đức	Đã phê duyệt QH chi tiết	3.0	0.9	8.0	72,000		72,000	72,000	72,000
18	Điểm dân cư thôn Mai Động, Hồng Đức	Hồng Đức	Đã phê duyệt QH chi tiết	2.0	0.6	8.0	48,000		48,000	48,000	48,000
19	Điểm dân cư Đồng Hội xã Hồng Phong	Hồng Phong	Đã phê duyệt QH chi tiết	3.0	0.9	7.0	63,000		63,000	63,000	63,000
20	Điểm dân cư thôn Hội Xá, xã Tân Quang	Tân Quang	Đã phê duyệt QH chi tiết	3.6	1.1	8.0	86,400		86,400	86,400	86,400
21	Điểm dân cư Đa Nghi 2 xã Nghĩa An	Nghĩa An	Đã phê duyệt QH chi tiết	4.9	1.5	13.0	191,100		191,100	191,100	191,100
IX.2	Điều tiết về 2 cấp ngân sách (tỉnh và huyện)			24.2	7.3		832,980		832,980	832,980	832,980
a	Đấu giá chuyển quyền sử dụng đất										
b	Đấu thầu dự án			24.2	7.3		832,980		832,980	832,980	832,980
1	Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Nam xã Tân Hương, huyện Ninh Giang	Thôn Đông Tân, xã Tân Hương	Ngày 29/3 cưỡng chế 3 hộ kiểm đếm bắt buộc sau đó cưỡng chế thu hồi đất 5 hộ dân thực hiện trước ngày 30/4	9.3	2.8	9.0	251,100		251,100	251,100	251,100
2	Đầu tư xây dựng Khu dân cư và kinh tế phức hợp xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang	Thôn Đỗ xá, xã Ứng Hòa	Đã giao đất giai đoạn 1 và đang tiến hành khảo sát giá đất	10.0	3.0	13.0	389,610		389,610	389,610	389,610

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Đầu tư xây dựng chợ Vé và Khu dân cư Thương mại xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang	Thôn Giâm Me, xã Đồng Tâm	Đã trình hồ sơ đề nghị chuyển mục đích SD đất và giao đất cho nhà đầu tư	4.9	1.5	13.0	192,270		192,270	192,270	192,270
X	Huyện Thanh Miện			161.1	54.2		2,636,731	794,713	1,842,018	2,146,441	1,351,728
X.1	Điều tiết về 3 cấp ngân sách			12.6	4.5		1,301,080	724,894	576,186	1,237,240	512,346
1	Đã thu 2 năm 2021, 2022						606,204	606,204		606,204	
2	Điểm dân cư mới Thôn Cự Trì, xã Ngũ Hùng	Xã Ngũ Hùng	Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá số 08/QĐ-UBND ngày 07/01/2022	0.9	0.5		50,855	21,659	29,196	50,855	29,196
3	Khu dân cư mới thôn La Xá, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	Xã Thanh Tùng	Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá số 516/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022	0.8	0.2		97,031	97,031		97,031	
4	Khu dân cư tập trung Thờ Nợ, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện	Xã Đoàn Tùng	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật để thực hiện đấu giá QSD đất	3.3	1.1	15.0	161,850		161,850	161,850	161,850
5	Điểm dân cư mới thôn An Xá, xã Tân Trào	xã Tân Trào	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật để thực hiện đấu giá QSD đất	0.6	0.4	10.0	35,100		35,100	35,100	35,100
6	Điểm dân cư mới thôn Phương Khê, xã Chi Lăng Bắc	Xã Chi Lăng Bắc	Có QH xây dựng vùng huyện; QH sử dụng đất 2021-2030	0.8	0.1	12.0	15,840		15,840		
7	Điểm dân cư mới thôn Chi Trung, thôn Phí Thanh Xá xã Lê Hồng	xã Lê Hồng	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật để thực hiện đấu giá QSD đất	0.4	0.2	15.0	30,000		30,000	30,000	30,000
8	Điểm giãn dân khu Sau Hàng thôn Bằng Bộ, xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện	Xã Cao Thắng	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 phê duyệt chủ trương đầu tư HTKT	1.0	0.3	15.0	45,000		45,000	45,000	45,000
9	Điểm dân cư mới Khu Triệu Thái, thị trấn Thanh Miện)	thị trấn Thanh Miện	Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 22/7/2022 phê duyệt chủ trương đầu tư HTKT	4.3	1.3	16.0	211,200		211,200	211,200	211,200

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	Điểm dân cư mới thôn Thúy Lâm, xã Đoàn Tùng (xứ đồng Chiền)	xã Đoàn Tùng	Có trong QH sử dụng đất 2021-2030; QH xây dựng vùng huyện; QH chung đô thị Đoàn Tùng (QĐ phê duyệt QH chi tiết Số 802-02/10/2020 của huyện)	0.6	0.3	15.0	48,000		48,000		
X.2	Điều tiết về 2 cấp ngân sách (tỉnh và huyện)			148.5	49.7		1,263,404	27,572	1,235,832	866,954	839,382
a	Đấu giá chuyển quyền sử dụng đất										
b	Đấu thầu dự án			148.5	49.7		1,263,404	27,572	1,235,832	866,954	839,382
1	Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện	Xã Đoàn Tùng	Kế hoạch sử dụng đất đã thực hiện giai đoạn trước	9.7	3.5		27,572	27,572		27,572	
2	Đầu tư xây dựng khu dân cư mới xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện	Xã Cao Thắng	QĐ số 916/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 Về việc chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất và cho C/ty cổ phần đầu tư đô thị Việt Hưng thuê đất thực hiện dự án	9.6	2.9	6.0	175,860		175,860	175,860	175,860
3	Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện	Xã Tứ Cường	Đang thực hiện công tác bồi thường GPMB	9.8	2.8	5.0	139,450		139,450	100,000	100,000
4	Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Nam Chợ Neo, thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện	Thị trấn Thanh Miện	QĐ phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà Đầu tư thực hiện dự án số 2518/QĐ-UBND ngày 25/8/2020 của UBND tỉnh	8.1	2.7	6.0	159,960		159,960		

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thanh Miện (PPP)	Thị trấn Thanh Miện	QĐ số 3366/QĐ-UBND ngày 10/11/2020 về Chấp thuận đầu tư Dự án. Đang thực hiện thi công, còn vướng bồi thường GPMB của một số hộ chưa đồng thuận	91.3	31.6	0.9	271,219		271,219	271,219	271,219
6	Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	Xã Phạm Kha	Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh mở rộng QHCTXD	12.3	3.3	6.0	197,040		197,040		
7	Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện	Xã Hồng Quang	Hoàn thành công tác GPMB; đã được giao đất lần 1 (QĐ 1508/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh); đang triển khai xây dựng HTKT khu dân cư	7.6	2.9	10.2	292,302		292,302	292,302	292,302
X.3	Đất chuyên dùng, đất trụ sở, đất thuộc tài sản công do cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc nhà nước quản lý						66,542	36,542	30,000	36,542	
X.4	Thu tiền sử dụng đất dôi dư						5,705	5,705		5,705	
XI	Huyện Bình Giang			177.0	56.7		3,801,818	1,526,817	2,275,002	3,823,478	2,296,662
XI.1	Điều tiết về 3 cấp ngân sách			72.9	25.5		1,835,123	1,446,387	388,737	1,835,123	388,737
1	Đã thu 2 năm 2021, 2022			59.6	20.9		1,446,387	1,446,387		1,446,387	
2	Đã thu nộp NSNN quý 1 năm 2023						262,000		262,000	262,000	262,000
3	Điểm dân cư mới vị trí 1 thôn Gò, Bình Xuyên	Bình Xuyên	Hạ tầng cơ bản hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt giá khởi điểm	5.7	2.0	3.5	69,335		69,335	69,335	69,335

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Điểm dân cư mới thôn Hoàng Sơn, xã Thái Dương	Thái Dương	Hạ tầng cơ bản hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt giá khởi điểm	0.4	0.1	2.5	3,500		3,500	3,500	3,500
5	Điểm dân cư mới thôn Lại và thôn Mòi, xã Vĩnh Tuy, huyện Bình Giang (thực hiện thôn Mòi)	Vĩnh Hưng	Đang triển khai làm HTKT	1.8	0.6	6.0	12,936		12,936	12,936	12,936
6	Điểm dân cư mới thôn Cao Xá, xã Thái Hoà	Thái Hoà	Hạ tầng cơ bản hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt giá khởi điểm	3.5	1.2	3.0	12,826		12,826	12,826	12,826
7	Điểm dân cư mới thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền	Nhân Quyền	Hạ tầng cơ bản hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt giá khởi điểm	2.0	0.7	4.0	28,140		28,140	28,140	28,140
XI.2	Điều tiết về 2 cấp ngân sách (tỉnh và huyện)			104.1	31.2		1,965,995	79,730	1,886,265	1,987,655	1,907,925
a	Đấu giá chuyển quyền sử dụng đất										
b	Đấu thầu dự án			104.1	31.2		1,965,995	79,730	1,886,265	1,987,655	1,907,925
1	Đã thu nộp NSNN 2021 (Dự án Toàn Gia QL 38)						79,730	79,730		79,730	
2	Khu dân cư phía Nam thị trấn Kê Sắt	TT Kê Sắt	Đang triển khai Bồi thường GPMB (được khoảng 75%)	19.9	6.0	7.5	476,400		476,400	476,400	476,400
3	Khu dân cư Trung tâm văn hóa, thể thao, giáo dục và dân cư mới xã Thái Học	Thái Học	Đang triển khai Bồi thường GPMB (được khoảng 80%)	19.9	6.0	6.0	370,140		370,140	370,140	370,140
4	Khu dân cư làng nghề Lược Vạc	Xã Thái Học	Hạ tầng cơ bản hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ trình khảo sát giá	10.1	3.0	6.0	181,800		181,800	203,460	203,460

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó, giai đoạn 2023-2025
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
5	Khu dân cư mới phía Nam thôn Cậy	Xã Long Xuyên	Hạ tầng cơ bản hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ trình khảo sát giá	10.0	3.0	6.5	194,025		194,025	194,025	194,025
6	Khu dân Cư mới tại thôn Phú xã Thái Học và thôn Nhuận Đông xã Bình Minh (Dự án khu dân cư HUALAND cũ)	Xã Thái Học Xã Bình Minh	Hạ tầng cơ bản hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ trình khảo sát giá	44.3	13.3	5.0	663,900		663,900	663,900	663,900
XI.3	Thu tiền sử dụng đất dôi dư						700	700		700	
XII	Huyện Huyện Cẩm Giàng			46.6	14.9		1,802,465	350,192	1,452,273	1,802,465	1,452,273
XII.1	Điều tiết về 3 cấp ngân sách			17.8	6.2		1,090,108	350,192	739,916	1,090,108	739,916
1	Đã thu 2 năm 2021, 2022		Đã chuyển mục đích sử dụng đất trước năm 2021				350,192	350,192		350,192	
2	Đã thu nộp ngân sách từ đầu năm 2023 đến nay		Đã chuyển mục đích sử dụng đất trước năm 2022				68,277		68,277	68,277	68,277
3	Khu dân cư mới thôn Nghĩa Phú, Cẩm Vũ (đấu lại)	xã Cẩm Vũ	Đang làm thủ tục đấu giá		0.1	15.0	11,952		11,952	11,952	11,952
4	Khu dân cư tái định cư Mậu Tân, Cẩm Hưng	xã Cẩm Hưng	Đang làm thủ tục đấu giá		0.2	12.0	28,668		28,668	28,668	28,668
5	Điểm dân cư, tái định cư Hộ Vệ, Cẩm Hưng	xã Cẩm Hưng	Đang làm thủ tục đấu giá		0.2	13.0	31,902		31,902	31,902	31,902
6	Điểm dân cư số 03, xã Thạch Lỗi	xã Thạch Lỗi	Dự án đã có QĐ phê duyệt BCKTKT, đang triển khai GPMB	0.7	0.2	7.0	15,120		15,120	15,120	15,120
7	Điểm dân cư số 01, Phú Xá, Tân Trường	xã Tân Trường	Đã thi công xong hạ tầng, đang khảo sát giá khởi điểm, trích đo trích lục phục vụ đấu giá	1.3	0.6	10.0	61,510		61,510	61,510	61,510

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
8	Khu dân cư, nghĩa trang liệt sĩ Văn Chi, Cẩm Giang	thị trấn Cẩm Giang	Đã thi công hoàn thiện một phần hạ tầng, đang tạm dừng đấu giá do liên quan đến vụ án gây rối trật tự công cộng	3.3	0.9	16.5	151,685		151,685	151,685	151,685
9	Điểm dân cư Bình Phiên, Ngọc Liên	xã Ngọc Liên	Giải phóng mặt bằng đạt 70%, đã lựa chọn xong nhà thầu thi công xây dựng; Dự kiến trong giai đoạn 2021-2025 đấu giá được 50%	2.6	0.7	10.0	37,420		37,420	37,420	37,420
10	Điểm dân cư La A, Cẩm Giang	thị trấn Cẩm Giang	Đang trình giá khởi điểm	1.6	0.7	12.0	83,064		83,064	83,064	83,064
11	Điểm dân cư La B, Cẩm Giang	thị trấn Cẩm Giang	Đang làm thủ tục để đấu giá các lô còn lại	1.3	0.0	9.0	891		891	891	891
12	Điểm dân cư Hoàn Lộc, Cẩm Văn	xã Cẩm Văn	Đang làm thủ tục để đấu giá các lô còn lại	0.4	0.0	10.0	2,090		2,090	2,090	2,090
13	Điểm dân cư Uyên Đức, Cẩm Văn	xã Cẩm Văn	Dự án đã có QĐ phê duyệt BCKTKT, đang triển khai GPMB	0.6	0.2	7.0	12,600		12,600	12,600	12,600
14	Điểm dân cư số 03 Lò Gạch, Cẩm Vũ	xã Cẩm Vũ	Đã GPMB xong đang bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công	0.7	0.4	7.0	24,997		24,997	24,997	24,997
15	Điểm dân cư Trung Nghĩa, Cao An	xã Cao An	Dự án đã có QĐ phê duyệt BCKTKT, đang triển khai GPMB	0.3	0.2	10.0	15,010		15,010	15,010	15,010
16	Điểm dân cư số 08 Ha Xá, Cẩm Đoài	xã Cẩm Đoài	Đang làm thủ tục đấu giá tiếp	0.8	0.3	15.0	39,510		39,510	39,510	39,510
17	Điểm dân cư số 4 Bắc Nam Định Sơn	xã Định Sơn	Dự kiến trong giai đoạn 2021-2025 thực hiện 50%	0.4	0.1	12.0	8,718		8,718	8,718	8,718

STT	Dự án thu sử dụng đất	Tóm tắt thông tin dự án thu sử dụng đất đến thời điểm báo cáo (cấp huyện báo cáo)								Dự kiến khả năng thu 5 năm 2021-2025	
		Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến đơn giá đất ở tính thu nộp NSNN (triệu đồng/m ²)	Dự kiến thu 5 năm 2021-2025				
				Đất quy hoạch	Đất ở		Tổng số	Trong đó			
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
18	Điểm dân cư Phú Quý, xã Cao An	xã Cao An	Đã hoàn thiện hạ tầng giai đoạn 1 đang làm thủ tục đấu giá, giai đoạn 1 mở rộng đã phê duyệt BCKTKT, đang GPMB	3.2	1.1	12.0	133,188		133,188	133,188	133,188
19	HTKT điểm dân cư mới trước của UBND xã (cũ), thôn Hộ Vệ, xã Cẩm Hưng	Cẩm Hưng	Đang chuẩn bị chủ trương đầu tư để phê duyệt	0.6	0.2	7.0	13,314		13,314	13,314	13,314
XII.2	Điều tiết về 2 cấp ngân sách (tỉnh và huyện)			28.9	8.7		712,357		712,357	712,357	712,357
a	Đấu giá chuyển quyền sử dụng đất										
b	Đấu thầu dự án			28.9	8.7		712,357		712,357	712,357	712,357
1	Khu cơ quan và dân cư phía Đông cầu vượt thị trấn Lai Cách	TT Lai Cách	Đã thi công hoàn thành	7.1	2.1	9.0	192,780		192,780	192,780	192,780
2	KDC thương mại xã Cẩm Phúc	xã Cẩm Phúc	Đang thi công đạt khoảng 80%	9.5	2.8	6.5	184,470		184,470	184,470	184,470
3	Khu phố thương mại dịch vụ Ghề mở rộng	xã Tân Trường	Đã tính tiền sử dụng đất nhưng chưa nộp	4.0	1.3	13.7	174,817		174,817	174,817	174,817
4	Khu trung tâm văn hóa, thể thao và điểm dân cư Ha Xá, xã Cẩm Đoài.	xã Cẩm Đoài	Đang GPMB, dự kiến giao đất để thực hiện dự án trong năm 2023	8.2	2.5	6.5	160,290		160,290	160,290	160,290

BIỂU SỐ 03 - DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM GIAO CẤP HUYỆN THỰC HIỆN VÀ KẾ HOẠCH VỐN TỪ DỰ ÁN TẠO NGUỒN ĐẦU TƯ DỰ ÁN

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Danh mục dự án trọng điểm và dự án tạo nguồn	Thông tin dự án trọng điểm							Thông tin dự án thu sử dụng đất (dự án tạo nguồn)							
		Quy mô đầu tư (năng lực thiết kế)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Nhu cầu vốn còn lại để hoàn thành dự án	Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến nộp NSNN giai đoạn 2023-2025	Kế hoạch vốn giai đoạn 2023-2025	Dự kiến hình thức đấu thầu, đấu giá chuyển quyền sử dụng đất	Ghi chú
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó, NS cấp huyện				Quy hoạch	Đất ở				
A	B	C	D	1	2	3	4	5=2-3								
	Tổng số				2,976.4	76.4	1.4	2,899.9			114.6	34.2	2,903.0	2,898.0		
I	Thành phố Hải Dương				1,157.3	76.2	1.2	1,081.1			44.9	13.3	1,080.0	1,080.0		
I.1	Dự án trọng điểm				1,157.3	76.2	1.2	1,081.1								
1	Cải tạo, mở rộng đường Vũ Công Đán kết nối thành phố Hải Dương với vùng huyện Cẩm Giàng, Bình Giang	1,8 km (Bn=33m)	2022-2025	8130; 15/12/2021	1,157.3	76.2	1.2	1,081.1						1,080.0		
I.2	Dự án tạo nguồn										44.9	13.3	1,080.0	1,080.0		
1	Khu dân cư Trái Bầu, phường Lê Thanh Nghị								P. Lê Thanh Nghị	Đang thực hiện GPMB và tính giá	7.3	2.2	150.0	150.0	Đấu thầu dự án	
2	Khu dân cư, dịch vụ thương mại Thanh Bình (tại vị trí làng nghề mộc Đức Minh)								P. Thanh Bình	Đang thực hiện GPMB	1.9	0.6	100.0	100.0	Đấu thầu dự án	
3	Khu đô thị Tân Phú Hưng (mở rộng)								P. Thạch Khôi	Đang thực hiện GPMB	33.7	10.1	530.0	530.0	Đấu thầu dự án	
4	Khu khách sạn và nhà chung cư hỗn hợp thuộc Khu hành chính tập trung tỉnh Hải Dương								phường Trần Phú	Đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư	2.0	0.4	300.0	300.0	Đấu giá dự án	Yêu cầu thực hiện hoàn trả tiền thuê đất và giá trị tài sản gắn liền với đất là 70,88 tỷ đồng (theo Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh) trước khi bố trí đầu tư dự án trọng điểm
II	Huyện Ninh Giang				769.1	0.2	0.2	768.9			19.8	5.9	773.0	768.0		
II.1	Dự án trọng điểm				769.1	0.2	0.2	768.9								
1	Đường trục ĐH 02 (Đông - Tây) huyện Ninh Giang	10,65 km (Bn=12m)	2023-2025		769.1	0.2	0.2	768.9						768.0		
II.2	Dự án tạo nguồn										19.8	5.9	773.0	768.0		
1	Điểm dân cư Đa Nghi 2 xã Nghĩa An								Nghĩa An	Đã phê duyệt QH chi tiết	4.9	1.5	191.1	191.1	Đấu giá dự án	
2	Đầu tư xây dựng Khu dân cư và kinh tế phức hợp xã Ứng Hòa, huyện Ninh Giang								Thôn Đỗ xá, xã Ứng Hòa	Đã giao đất giai đoạn 1 và đang tiến hành khảo sát giá đất	10.0	3.0	389.6	384.6	Đấu thầu dự án	
3	Đầu tư xây dựng chợ Vẽ và Khu dân cư Thương mại xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang								Thôn Giâm Me, xã Đồng Tâm	Đã trình hồ sơ đề nghị chuyển mục đích SD đất và giao đất cho nhà đầu tư	4.9	1.5	192.3	192.3	Đấu thầu dự án	
III	Huyện Bình Giang				1,050.0			1,050.0			49.9	15.0	1,050.0	1,050.0		
III.1	Dự án trọng điểm				1,050.0			1,050.0								

STT	Danh mục dự án trọng điểm và dự án tạo nguồn	Thông tin dự án trọng điểm							Thông tin dự án thu sử dụng đất (dự án tạo nguồn)							
		Quy mô đầu tư (năng lực thiết kế)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Nhu cầu vốn còn lại để hoàn thành dự án	Địa điểm	Tình hình triển khai	Diện tích (ha)		Dự kiến nộp NSNN giai đoạn 2023-2025	Kế hoạch vốn giai đoạn 2023-2025	Dự kiến hình thức đấu thầu, đấu giá chuyển quyền sử dụng đất	Ghi chú
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Trong đó, NS cấp huyện				Quy hoạch	Đất ở				
A	B	C	D	1	2	3	4	5=2-3								
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 395 (Đoạn từ Km16+750-Km23+920) và đường dẫn đầu cầu Cậy đến đường tỉnh 394	ĐT.395 (đoạn trong khu dân cư Bn=25m; ngoài khu dân cư Bn=20m); 02 nhánh tránh dân cư Long Xuyên: Bn=33m	2023-2025		1,050.0			1,050.0						1,050.0		
III.2 Dự án tạo nguồn											49.9	15.0	1,050.0	1,050.0		
1	Khu dân cư phía Nam thị trấn Kê Sắt								TT Kê Sắt	Đang triển khai Bồi thường GPMB (được khoảng 75%)	19.9	6.0	476.4	476.4		
2	Khu dân cư Trung tâm văn hóa, thể thao, giáo dục và dân cư mới xã Thái Học								Thái Học	Đang triển khai Bồi thường GPMB (được khoảng 80%)	19.9	6.0	370.1	370.1		
3	Khu dân cư làng nghề Lược Vạc								Xã Thái Học	Hạ tầng cơ bản hoàn thành, đang hoàn thiện hồ sơ trình khảo sát giá	10.1	3.0	203.5	203.5		